

FW25WP039

Sample Size: M POINT OF MEASURE		CODE	HOW TO MEASURE		CRITICAL	TYPE	TOLERANCE	EXPECTED M	1ST PROTO/FIT -RCVD	VARIANCE	ADJUST BY +/-	REVISED SPEC	MEASUREMENT NOTES
WAISTBAND TOPSTITCHING HEIGHT, TOTAL	CAO LƯNG QUẦN	WV			false	Full	1/8 in	1 1/2 in	1 3/8 in	-1/8 in	0 in	1 1/2 in	
WAIST CIRCUMFERENCE - RELAXED	LƯNG QUẦN NGUYÊN VÒNG ĐO ỀM	WV102	ACROSS TOP EDGE OF WAISTBAND	ĐO DỌC MÉP TRÊN CỬA LƯNG	true	Full	1/2 in	31 1/2 in	32 in	1/2 in	0 in	31 1/2 in	
WAIST CIRCUMFERENCE - STRETCHED	LƯNG QUẦN NGUYÊN VÒNG ĐO CĂNG	WV103	ACROSS THE CENTER OF WAISTBAND	ĐO DỌC GIỮA BÀN LƯNG	true	Full	1/2 in	40 in	40 in	0 in	0 in	40 in	
FRONT RISE FROM CROTCH SM TO TOP EDGE	ĐÁY TRƯỚC - TỪ MÉP TRÊN LƯNG ĐẾN ĐƯỜNG MAY ĐÁY TRƯỚC	WV105	FROM FRONT CROTCH SEAM TO TOP EDGE OF FRONT WAISTBAND	TỪ ĐM ĐÁY TRƯỚC ĐẾN CẠNH TRÊN CỬA LƯNG QUẦN	true	Full	1/4 in	12 1/2 in	12 in	-1/2 in	0 in	12 1/2 in	MUST INCREASE BACK TO SPEC
BACK RISE FROM CROTCH SM TO TOP EDGE	ĐÁY SAU - TỪ MÉP TRÊN LƯNG ĐẾN ĐƯỜNG MAY ĐÁY SAU	WV106	FROM BACK CROTCH SEAM TO TOP EDGE OF BACK WAISTBAND	TỪ ĐM ĐÁY SAU ĐẾN CẠNH TRÊN CỬA LƯNG QUẦN THÂN SAU	true	Full	1/4 in	17 in	16 1/2 in	-1/2 in	0 in	17 in	MUST INCREASE BACK TO SPEC
LOW HIP POSITION BELOW WB TOP EDGE	VỊ TRÍ MÔNG DƯỚI ĐẦU LƯNG	WV107	MEAS. X" DOWN FROM TOP EDGE OF WAISTBAND	ĐO HẠ TỪ CẠNH TRÊN LƯNG QUẦN	true	Full	0 in	8 in	8 in	0 in	0 in	8 in	
LOW HIP CIRCUMFERENCE	MÔNG NGUYÊN VÒNG	WV108	3PT MEAS. - FROM WR SIDE SEAM, CF, TO WL SIDE SEAM	ĐO 3 ĐIỂM TỪ QUẦN PHẢI CỦA SƯỜN QUẦN, GIỮA TRƯỚC ĐẾN SƯỜN QUẦN TRÁI NGƯỜI MẶC	true	Full	1/2 in	44 3/4 in	44 3/4 in	0 in	0 in	44 3/4 in	
THIGH CIRC. AT 1" BELOW CROTCH SM	ĐÙI TẠI DƯỚI ĐƯỜNG MAY ĐÁY 1"	WV109	MEAS. AT 1" BELOW CROTCH, ACROSS TO SIDE SEAM	ĐO DƯỚI ĐÁY 1" , ĐO DỌC CẠNH SƯỜN	true	Full	1/2 in	28 in	28 in	0 in	0 in	28 in	
KNEE CIRC. AT 13" BELOW CROTCH SM	ĐÙI - DƯỚI ĐƯỜNG MAY ĐÁY 13"	wv	MEAS. AT 13" BELOW CROTCH, ACROSS TO SIDE SEAM	ĐO DƯỚI ĐÁY 13", ĐO DỌC CẠNH SƯỜN	true	Full	1/2 in	22 1/2 in	23 in	1/2 in	0 in	22 1/2 in	
LEG OPENING CIRC. AT BOTTOM EDGE	RỘNG ỒNG QUẦN NGUYÊN VÒNG TẠI LAI	WV111	MEASURE AT LEG EDGE	ĐO DỌC MÉP CỬA QUẦN	true	Full	1/4 in	20 1/4 in	20 in	-1/4 in	0 in	20 1/4 in	
INSEAM	SƯỜN TRONG	WV112	MEAS. ALONG THE INSEAM FROM CF CROTCH SEAM TO LEG EDGE	ĐO DỌC SƯỜN TRONG TỪ ĐM ĐÁY TRƯỚC ĐẾN MÉP LAI QUẦN	true	Full	1/2 in	30 in	30 in	0 in	0 in	30 in	
LEG ZIPPER LENGTH	DÀI DÂY KÉO LAI	WV			false	Full	1/4 in	8 1/2 in	8 1/2 in	0 in	0 in	8 1/2 in	
FRONT POCKET PLACEMENT BELOW WAISTBAND TOPSTITCHING	VỊ TRÍ TÚI TRƯỚC DƯỚI ĐƯỜNG ĐIỀU LƯNG	WV			false	Full	1/4 in	1 1/4 in	1 1/8 in	-1/8 in	0 in	1 1/4 in	
FRONT POCKET OPENING LENGTH	DÀI MIỆNG TÚI TRƯỚC	WV FRONT POCKET	MEASURE ALONG SIDE SEAM FROM WB SEAM	ĐO DỌC ĐM SƯỜN TỪ ĐƯỜNG ĐIỀU LƯNG	false	Full	1/4 in	7 in	7 in	0 in	0 in	7 in	
FRONT POCKET ZIPPER LENGTH	DÀI DÂY KÉO TÚI TRƯỚC	WV			false	Full	1/4 in	6 3/4 in	6 3/4 in	0 in	0 in	6 3/4 in	
FRONT POCKET WELT WIDTH	RỘNG CÔI TÚI TRƯỚC	WV			false	Full	1/8 in	3/4 in	3/4 in	0 in	0 in	3/4 in	
FRONT POCKET BAG LENGTH	DÀI LÓT TÚI TRƯỚC	WV121	MEAS. FROM SEAM TO POCKET BAG EDGE – FACTORY GRADE FOR PRODUCTION	ĐO TỪ ĐƯỜNG MAY ĐẾN MÉP LÓT TÚI	false	Full	1/4 in	11 in	11 in	0 in	0 in	11 in	
FRONT POCKET BAG WIDTH	RỘNG LÓT TÚI TRƯỚC	WV122	MEASURE FROM SEAM TO WIDEST EDGE – FACTORY GRADE FOR PRODUCTION	ĐO TỪ ĐƯỜNG MAY ĐẾN MÉP RỘNG NHẤT	false	Full	1/4 in	8 in	8 in	0 in	0 in	8 in	
BACK POCKET PLACEMENT FROM CB SEAM	VỊ TRÍ TÚI SAU TỪ ĐƯỜNG MAY GIỮA SAU	WV124	FROM CB TO EDGE OF POCKET CLOSEST TO CB	ĐO TỪ GIỮA LƯNG SAU ĐẾN MÉP TRÊN CỦA TÚI SAU, CẠNH GẦN GIỮA LƯNG NHẤT	false	Full	1/8 in	2 3/8 in	2 1/4 in	-1/8 in	-3/8 in	2 in	

FW25WP039

Sample Size: M POINT OF MEASURE		CODE	HOW TO MEASURE		CRITICAL	TYPE	TOLERANCE	EXPECTED M	1ST PROTO/FIT -RCVD	VARIANCE	ADJUST BY +/-	REVISED SPEC	MEASUREMENT NOTES
BACK POCKET POSITION BELOW WAISTBAND SEAM AT SIDE BY SIDE SEAM	VỊ TRÍ TÚI SAU DƯỚI ĐƯỜNG MAY LƯNG TÚI CẠNH ĐẾN CẠNH ĐƯỜNG MAY	WV			false	Full	1/8 in	2 in	1 7/8 in	-1/8 in	0 in	2 in	
BACK POCKET POSITION BELOW WAISTBAND SEAM AT SIDE BY CB	VỊ TRÍ TÚI SAU DƯỚI ĐƯỜNG MAY LƯNG TÚI CẠNH ĐẾN CẠNH ĐẾN GIỮA SAU	WV			false	Full	1/8 in	2 1/4 in	2 1/8 in	-1/8 in	0 in	2 1/4 in	
BACK POCKET OPENING LENGTH	DÀI MIỆNG TÚI SAU	WV127			false	Full	1/4 in	5 3/4 in	5 3/4 in	0 in	1/2 in	6 1/4 in	SPEC REVISED FOLLOWING ZIPPER INCREASE
BACK POCKET ZIPPER LENGTH	DÀI DÂY KÉO TÚI SAU	WV			false	Full	1/4 in	5 1/2 in	5 1/2 in	0 in	1/2 in	6 in	INCREASE BY 1/2"
BACK POCKET WELT HEIGHT	CAO CƠI TÚI SAU	WV			false	Full	1/8 in	3/4 in	3/4 in	0 in	0 in	3/4 in	
BACK POCKET BAG LENGTH	DÀI LÓT TÚI SAU	WV	FROM SEAM TO EDGE	TỪ ĐƯỜNG MAY ĐẾN MÉP	false	Full	1/4 in	7 1/2 in	7 1/2 in	0 in	0 in	7 1/2 in	
WAIST DRAWCORD LENGTH - TOTAL	DÀI DÂY LUỒN	WV104			false	Full	1 in	54 in	53 1/2 in	-1/2 in	0 in	54 in	
DRAWCORD EXIT SPACING, RELAXED	KHOẢNG CÁCH 2 ĐẦU DÂY LUỒN	WV	MEASURE CENTER TO CENTER	GIỮA ĐẾN GIỮA	false	Full	1/4 in	1 3/4 in	1 3/4 in	0 in	0 in	1 3/4 in	